

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày 22/3/2023

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn T

Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị O

Ông Nguyễn Văn C

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị H1 – Thư ký Toà án nhân dân huyện K.

Đại diện VKSND huyện K: Bà Lê Thị T1 - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2022/TLST– HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/HNGĐ-QĐXX ngày 06/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 (có mặt).

Bị đơn: Anh Đào Ngọc Q, sinh năm 1982 (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Đều ĐKKHTT, TT: thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Đào Ngọc T2, sinh ngày 30/01/2005. (vắng mặt)

2. Cháu Đào Phương T3, sinh ngày 14/9/2007 (vắng mặt)

Người giám hộ cho cháu T2, T3 là chị Nguyễn Thị H, anh Đào Ngọc Q là bố mẹ đẻ của các cháu.

Đều HKTT, TT: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của chị Nguyễn Thị H trình bày tại Toà án như sau:

Năm 2004, chị kết hôn với anh Đào Ngọc Q, sinh năm 1982 là người cùng thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Anh chị, được tự do tìm hiểu và tiến hành kết hôn dựa trên sự tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 29/01/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống với bố mẹ chồng tại thôn A, xã Đ. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc bình thường một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng gay gắt nhất là vào khoảng tháng 05/2018. Nguyên nhân dẫn đến phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống cũng như tính cách, anh Q ham chơi game, rượu chè, đánh đập, chửi bới vợ, không quan tâm gì đến vợ con và vào ngày 16/6/2018 anh Q đánh đập chị và bóp cổ chị. Anh Q hay ghen tuông không tin tưởng chị. Việc anh Q ham chơi game, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Q vẫn không thay đổi. Chị và anh Q đã sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay.

Vào ngày 28/8/2018 Tòa án nhân dân huyện K đã ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn cho chị và anh Đào Ngọc Q, tuy nhiên sau khi ly hôn chị lại nghĩ thương các con, sợ ảnh hưởng đến việc học hành của các con nên chị đã về chung sống với anh Q và có đi đăng ký kết hôn lại vào ngày 21/9/2018. Sau thời gian chị về chung sống với anh Q, chị cứ nghĩ rằng anh Q sẽ thay đổi bản thân biết lo toan chăm lo cho vợ con nhưng anh Q vẫn không chịu thay đổi vẫn ham chơi game không lo làm ăn nên dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân mệt mỏi nên tôi đã ly thân với anh Q, đến cuối năm 2019 thì chị không thể chịu đựng được tính cách của anh Q nên anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Trong thời gian sống ly thân chị và anh Q không quan tâm gì đến nhau. Nay tôi xác định không còn tình cảm với anh Q nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn để chị sớm ổn định cuộc sống.

Cha mẹ hai bên gia đình cũng đều biết được mâu thuẫn của chúng tôi cũng như đã biết tính cách của anh Q nên bố mẹ chồng tôi khi biết chuyện tôi làm đơn ly hôn với anh Q thì bố mẹ chồng tôi cũng có nói với tôi là tôn trọng quyết định của tôi, vì bố mẹ đẻ anh Q cũng đã quá hiểu rõ về tính cách của anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 02 con chung tên là cháu Đào Ngọc T2 sinh ngày 30/01/2005 và cháu Đào Phương T3 sinh ngày 14/9/2007. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn tôi có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đào Phương T3, còn cháu T2 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp với gia đình hai bên nội ngoại: Không đề nghị Tòa án đặt ra giải quyết, chị tự thỏa thuận.

Theo biên bản lấy lời khai của bị đơn là anh Đào Ngọc Q khai như sau:

Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn cũng giống như trình bày của chị H.

Về quá trình chung sống thì anh Q cho rằng vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì.

Nay chị H có đơn xin ly hôn với anh thì quan điểm của anh là đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Đào Ngọc Q và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung tên Đào Ngọc T2, sinh ngày 30/01/2005 và cháu Đào Phương T3 sinh ngày 14/9/2007. Nếu ly hôn đề nghị Toà án giải Giao cháu T3 cho chị H, còn giao cháu T2 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh và chị H không đặt ra xem xét giải quyết, anh chị tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất canh tác nông nghiệp 03: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do anh bận công việc nên không thể đến Toà án để làm việc được nên anh đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt anh.

Tại phiên toà hôm nay:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có mặt tại Toà án và đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Ngọc Q và giải quyết về con chung.

Bị đơn anh Đào Ngọc Q đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin giải quyết vắng mặt nên vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt anh Q theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, đã xác định chính xác mối quan hệ có tranh chấp, ra T2 báo thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời gian quy định. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo tính khách quan, hợp pháp. Thẩm phán xác định đúng tư cách pháp lý của các chủ thể để đưa họ vào tham gia tố tụng. Việc cấp, tổng đạt các quyết định đến các đương sự đảm bảo đúng thời hạn. Toà án thực hiện việc chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát đúng thời hạn luật định; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về nguyên tắc xét xử, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng và không thuộc trường hợp phải thay đổi theo quy định tại Điều 53, Điều 226 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật vì không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đào Ngọc Q, giao cháu Đào Phương T3 sinh ngày 14/9/2007 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu T3 đủ 18 tuổi, cháu T2 đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết vì anh Q và chị H không có yêu cầu. Về tài sản chung,

công nợ ruộng đất nông nghiệp 03 của anh Q, chị H thì không đặt ra giải quyết trong vụ án ly hôn này, khi nào anh Q, chị H có yêu cầu sẽ xem xét bằng một vụ kiện dân sự khác; nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra, tranh luận công khai tại phiên tòa ngày hôn nay cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2018 anh Đào Ngọc Q và chị Nguyễn Thị H có kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 21/9/2018 đã xác lập quan hệ vợ chồng.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Căn cứ vào lời khai của chị H lời khai của người làm chứng, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương đều thể hiện: Sau khi kết hôn thì anh Q, chị H sinh sống và làm ăn tại thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng anh chị chung sống, sống hạnh phúc bình thường sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng bất đồng quan điểm sống cũng như tính cách nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Anh Q và chị H đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm, hỏi thăm nhau hay liên hệ gì đến nhau.

Từ những căn cứ nêu trên xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đào Ngọc Q đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đào Ngọc Q để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh Đào Ngọc Q và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung tên Đào Ngọc T2 sinh ngày 30/01/2005 (cháu T2 đủ 18 tuổi) và cháu Đào Phương T3 sinh ngày 14/9/2007.

Xét thấy, anh Q và chị H có quan điểm xin được nuôi con. Xét nguyện vọng xin nuôi con của anh chị là hoàn toàn chính đáng, mục đích chung là muốn cho con phát triển tốt về mọi mặt. Xét thấy cháu T2 có quan điểm xin được ở với bố (hiện nay cháu đã đủ 18 tuổi), cháu T3 có quan điểm xin được ở với mẹ là phù hợp với nguyện vọng của anh Q và chị H. Cháu Đào Ngọc T2 sinh ngày 30/01/2005 (đã trưởng thành) nên không đặt ra xem xét giải quyết, giao cháu Đào Phương T3 sinh ngày 14/9/2007 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu T3 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét vì anh Q và chị H không có yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp và công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Anh Đào Ngọc Q và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu xem xét, tự thỏa thuận giải quyết. Khi nào anh Đào Ngọc Q và chị Nguyễn Thị H có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết ở vụ án dân sự khác.

Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đào Ngọc Q.

Về con chung: Giao cháu Đào Phương T3 sinh ngày 14/9/2007 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu T3 đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị H và anh Đào Ngọc Q được quyền đi lại chăm sóc, thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp 03 và công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Không đặt ra xem xét, khi nào anh Đào Ngọc Q và chị Nguyễn Thị H có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết ở vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị H đã nộp đã nộp theo biên lai số 0008064 ngày 12/12/2022, tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K (chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Về quyền kháng cáo: Án xét xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại địa phương nơi người vắng mặt cư trú./.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- VKSND cùng cấp;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS K/C;
- UBND xã Đ
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ.

Bùi Văn T